

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THÁI HOÀ
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 52/2023/HS-ST
Ngày 28 tháng 9 năm 2023

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HOÀ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Hồ Xuân Quyền**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Hồ Văn Hào**

2. Ông **Ngô Sỹ Lượng**

- Thư ký phiên toà: Bà **Trần Thị An** - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An, tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Ngân** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An. Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 51/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **52/2023/QĐXXST-HS** ngày 18/9/2023, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phan Văn T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 03 tháng 9 năm 1989, tại huyện N, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm Q, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Thổ; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Thanh L (đã chết) con bà Tạ Thị D, sinh năm: 1963; Vợ: Đoàn Thị Thanh H (đã ly hôn); con: có một con sinh năm: 2012; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/6/2023 đến nay (có mặt).

2. Họ và tên: Phan Anh T1, tên gọi khác: Không; sinh ngày 22 tháng 9 năm 1997, tại huyện N, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm C, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn T2, sinh năm 1967 con bà Vũ Thị H1, sinh năm 1972; Vợ: Lê Thị Q (đã ly hôn), con: Có 02 con, lớn sinh năm: 2017, nhỏ sinh năm: 2019; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/6/2023 đến nay (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Phan Văn T, Phan Anh T1:

Bà Nguyễn Thị Quỳnh T3 – trợ giúp viên pháp lý

Đơn vị công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh N, chi nhánh T4 pháp lý số 2.

- Người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan:

Chị Đoàn Thị Thanh H, sinh năm: 1986

Trú tại: Khối Đ, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An

Có mặt

- Người chứng kiến:

Anh Trần Đình H2, sinh năm: 1986

Trú tại: Khối Q, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Phan Văn T là người nghiện chất ma túy, vì muốn có ma túy để sử dụng nên vào ngày 02 tháng 6 năm 2023, T đã sử dụng số điện thoại 039649134 gọi đến số điện thoại 09644527276 cho Phan Anh T1 nhờ T1 mua hộ 300.000đ tiền ma túy hồng phiến để sử dụng thì T1 đồng ý. Sau đó T chuyển khoản cho T1 số tiền 300.000đ từ tài khoản 030076380879 của T đến số tài khoản số 0861000072027 của T1. Sau khi nhận được tiền từ T thì T1 đi rút tiền mặt rồi ngồi nhờ xe của người không quen biết đến khu vực ngã ba thuộc khối Ché biền L, phường Q, thị xã T thì gặp một người phụ nữ tên là Phương A và hỏi mua ma túy thì Phương A đồng ý. Phan Anh T1 đưa cho Phương A số tiền 1.000.000đ thì Phương A đưa cho T1 01 gói ni lông màu đen, kích thước (2x2)cm, bên trong có chứa 11 viên nén màu hồng có đặc điểm, kích thước giống nhau, trên một mặt mỗi viên có in chữ “WY” là ma túy tổng hợp (hồng phiến). Sau khi mua được ma túy, Phan Anh T1 đi nhờ xe của người đi đường về xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Khi về đến nơi T1 mở gói ma túy vừa mua được lấy ra 03 viên ma túy gói trong bao ni lông màu đen bỏ trong gốc cây keo thuộc khu vực đồi keo của xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An với mục đích khi gặp T thì chỉ vị trí cho T đến vị trí đã cất giấu gói ma túy nêu trên để lấy ma túy. Một lúc sau, T1 và T gặp nhau thì T1 chỉ cho T vị trí đã cất giấu gói ma túy nêu trên. Số ma túy hồng phiến 08 viên còn lại T1 đã đưa về nhà và sử dụng hết.

Sau khi biết nơi Phan Anh T1 cất giấu ma túy, Phan Văn T đi đến và lấy được gói ma túy nêu trên rồi cất giấu trong túi quần phía trước bên phải của mình rồi đi về phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Đến khoảng 13 giờ 50 phút cùng ngày, khi T đi đến khối Q, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An thì bị tổ công tác Công an phường Q, thị xã T bắt quả tang thu giữ trong túi quần phía trước bên phải mà T đang mặc 01 gói ni lông màu đen, kích thước khoảng (2x2)cm, bên trong có chứa 03 viên nén màu hồng có đặc điểm, kích thước giống nhau, trên một mặt mỗi viên có in chữ WY là ma túy hồng phiến. Tổ công tác Công an phường Q đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ và niêm phong vật chứng, sau đó dẫn giải về trụ sở Công an thị xã T để đấu tranh làm rõ.

Đến ngày 05/6/2023, biết không thể che dấu hành vi phạm tội của mình nên Phan Anh T1 đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng và lấy mẫu giám định của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T xác định: Tổng khối lượng 03 viên nén màu hồng thu giữ của Phan Văn T có khối lượng 0,3gam.

Tại Kết luận giám định số: 594/KL-KTHS (Đ2-MT) ngày 08/6/2023, của Phòng K Công an tỉnh N kết luận: Mẫu viên nén màu hồng thu giữ của Phan Văn T gửi tới giám định là ma túy (Methamphetamine)

Tại bản Cáo trạng số: 52/CT-VKS ngày 06 tháng 9 năm 2023, của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà đã truy tố các bị cáo Phan Văn T, Phan Anh T1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 - BLHS.

Tại phiên toà, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Phan Văn Thực t 14 đến 15 tháng tù về tội “ tàng trữ trái phép chất ma túy”

+ Xử phạt bị cáo Phan Anh T1 từ 12 đến 13 tháng tù về tội “ tàng trữ trái phép chất ma túy”

Vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 – BLTTHS tuyên:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105V11.00.11TA1034, đã qua sử dụng bên trong có lắp sim số 0964527276 thu giữ của Phan Anh T1.

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư hình chữ nhật, kích thước (21 x 12)cm, bên trong chứa 02 viên ma túy có khối lượng 0,2gam; bao ni lông và phong bì niêm phong ban đầu (số còn lại đã sử dụng hết trong quá trình giám định).

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho các bị cáo.

Các bị cáo không tranh luận

Người bào chữa cho các bị cáo tranh luận: Nhất trí về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà kiểm sát viên đã đề nghị. Tuy nhiên các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, phạm tội lần đầu, khối lượng ma túy tàng trữ ít nên đề nghị Hội đồng xét xử bị cáo Phan Anh T1 12 tháng tù, bị cáo Phan Văn Thực t 12 đến 13 tháng tù.

Kiểm sát viên đối đáp lại: Người bào chữa đề xuất mức hình phạt đối với Phan Anh T1 trong mức mà kiểm sát viên đề nghị. Đối với Phan Văn T đã thực hiện hành vi ở vai trò chính trong vụ án nên đại diện viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm như đã đề nghị.

Các bị cáo không có ý kiến gì khác bổ sung vào lời bào chữa. Trong lời nói sau cùng các bị cáo đều xin hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan chị Đoàn Thị Thanh H không tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thống nhất với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản tiếp nhận người phạm tội lên đầu thú cùng với các tài liệu, chứng cứ đã được đưa ra xem xét, đánh giá, thẩm tra tại phiên tòa. Từ đó đã có đủ cơ sở để xác định được: Vào khoảng 13 giờ 50 phút, ngày 02/6/2023 tại khu vực khối Q, phường Q, thị xã T, Công an phường Q đã bắt quả tang Phan Văn T có hành vi tàng trữ 03 viên ma túy (Methamphetamine), có khối lượng 0,3gam, mục đích Phan Văn T tàng trữ là để sử dụng nên hành vi của Phan Văn T1 đã cấu thành tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đối với Phan Anh T1 đã có hành vi mua hộ cho Phan Văn T 03 viên ma túy (Methamphetamine), có khối lượng 0,3gam nên hành vi của Phan Anh T1 đã đồng phạm với Phan Văn T về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 - BLHS như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước đối với các chất ma túy mà còn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, gây tác hại cho sức khỏe của con người, phá hoại hạnh phúc gia đình và là nguyên nhân gây ra nhiều hành vi vi phạm pháp luật khác. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” của mình là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì thái độ xem thường pháp luật và để thỏa mãn cơn nghiện nên các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Vì vậy cần có đường lối xét xử nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện.

[3] Xét vị trí, vai trò, mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn giữa các bị cáo không có sự phân công nhiệm vụ với nhau. Bị cáo

Phan Văn T đã gọi điện và chuyển số tiền 300.000đ cho bị cáo Phan Anh T1 để bị cáo T1 đi mua ma túy về sử dụng. Bị cáo T1 thực hiện ở vai trò giúp sức, do đó bị cáo Phan Văn T phải chịu trách nhiệm ở vai trò đầu trong vụ án trước bị cáo T1.

[4] Xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng, nhân thân tốt. Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bởi bị cáo Phan Văn T là ông Phan Thanh L là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương, sau khi phạm tội bị cáo Phan Anh T1 đã lên cơ quan cảnh sát điều tra để đầu thú nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Căn cứ vào tính chất, vai trò, mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội của từng bị cáo đã gây ra kết hợp với xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng hình phạt tù, cách ly tất cả các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự thì các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo có thu nhập thấp, thuộc hộ cần nghèo. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Vật chứng vụ án: Đối với 01 phong bì thư hình chữ nhật, kích thước (21 x 12)cm, bên trong chứa 02 viên ma túy có khối lượng 0,2gam; bao ni lông và phong bì niêm phong ban đầu (số ma túy còn lại đã sử dụng hết trong quá trình giám định). Xét đây là vật cấm tàng trữ nên cần tịch thu, tiêu huỷ theo điểm c khoản 1 Điều 47 - BLHS; các điểm a khoản 2 Điều 106 - BLTTHS.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105V11.00.11TA1034, đã qua sử dụng bên trong có lắp sim số 0964527276 thu giữ của Phan Anh T1. Xét đây là phương tiện mà Phan Anh T1 dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS.

Đối với các vật chứng khác, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu theo đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Phan Anh T1 khai nhận đã mua của một người phụ nữ tên Phương A 11 viên ma túy hồng phiên với giá 1.000.000đ vào ngày 02/6/2023 tại khu vực ngã ba thuộc khối chế biến L, phường Q, thị xã T. Quá trình điều tra xác định tại gần khu vực ngã ba thuộc khối chế biến L, phường Q, thị xã T có đối tượng tên là Trần Thị Phương A1, sinh năm 1989. Trú tại khối chế biến L, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã triệu tập lên làm việc tuy nhiên quá trình lấy lời khai, đối chất Trần Thị Phương A1 không thừa nhận đã bán ma túy

cho Phan Anh T1. Nên chưa đủ cơ sở để xử lý vì vậy đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T tiếp tục điều tra làm rõ.

Trong quá trình điều tra Phan Anh T1 khai đã mua của Phương A1 11 viên ma túy, trong đó mua hộ cho T 03 viên đã đưa cho T. Số ma túy còn lại là 08 viên Phan Anh T1 khai đã sử dụng hết, quá trình khám xét nơi ở của Phan Anh T1 không thu giữ được gì nên không có cơ sở để xem xét đối với 08 viên ma túy còn lại.

Đối với chị Đoàn Thanh H là người cho Phan Văn T mượn 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9, màu đỏ, chị H không biết Phan Văn T sử dụng để gọi điện cho Phan Anh T1 nhờ mua ma túy nên chị H không phạm tội. Chị H cũng đã nhận lại được chiếc điện thoại nêu trên và không yêu cầu gì vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Các bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 - BLHS:

+ Xử phạt bị cáo Phan Văn T 15 (mười lăm) tháng tù về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để tạm giữ, tạm giam ngày 02 tháng 6 năm 2023.

+ Xử phạt bị cáo Phan Anh T1 13 (mười ba) tháng tù về tội “ tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để tạm giữ, tạm giam ngày 05 tháng 6 năm 2023

2. Vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 - BLHS; các điểm a khoản 2 Điều 106 - BLTTHS:

Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105V11.00.11TA1034, đã qua sử dụng bên trong có lắp sim số 0964527276 thu giữ của Phan Anh T1

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư hình chữ nhật, kích thước (21 x 12)cm, bên trong chứa 02 viên ma túy có khối lượng 0,2gam; bao ni lông và phong bì niêm phong ban đầu (số ma túy còn lại đã sử dụng hết trong quá trình giám định).

Tang vật trên hiện có tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hoà theo biên bản giao nhận vật chứng lập vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 08/9/2023, giữa Công an thị xã T và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hoà.

3.Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 - BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Phan Văn T, Phan Anh T1.

Các bị cáo, người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi NVLQ;
- Công an thị xã Thái Hòa;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- UBND xã (phường) nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Xuân Quyền

